

Số: / KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Đề án 996), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và tổ chức triển khai nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp tại Đề án 996; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các sở, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan và người dân về công tác đo lường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bố trí nguồn lực cho công tác đo lường; đồng thời, cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc tổ chức thực hiện Đề án 996 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn.

2. Yêu cầu: Các nội dung của Kế hoạch phải bám sát Đề án 996; các nhiệm vụ, giải pháp phải thiết thực, hiệu quả, khả thi và có thời gian thực hiện cụ thể. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện, đẩy mạnh công tác phối hợp; thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng tiến độ được giao.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Thiết lập, duy trì, vận hành chuẩn đo lường địa phương đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước về đo lường và nhu cầu hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phấn đấu 100% cán bộ được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ; đến hết năm 2030, có ít nhất 03 cán bộ công tác tại UBND xã, phường được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về đo lường.

3. Tổ chức tối thiểu 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho khoảng 5.000 lượt đại biểu, học viên là cán bộ quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và đại diện các doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan, nhằm nâng cao nhận thức, năng lực thực thi pháp luật và hiệu quả triển khai hoạt động trong thực tiễn.

4. Hỗ trợ ít nhất 15 tổ chức có liên quan tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc triển khai các giải pháp tổng hợp trong lĩnh vực đo lường.

5. Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho ít nhất 20 tổ chức có liên quan.

6. Xây dựng thành công mạng lưới đo lường của tỉnh Bắc Ninh. Có 90% tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham gia mạng lưới đo lường của tỉnh.

7. Phấn đấu 100% tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường có trụ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được tư vấn, hỗ trợ định hướng xây dựng lĩnh vực hoạt động phù hợp để đề nghị công nhận năng lực theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025; đồng thời, có ít nhất 05 tổ chức được công nhận mới hoặc mở rộng lĩnh vực được công nhận theo tiêu chuẩn này, góp phần nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ đo lường trên địa bàn tỉnh.

8. Xây dựng, duy trì và vận hành thí điểm “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng” phục vụ doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý và cơ chế, chính sách về đo lường

1.1. Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo lường; tham gia góp ý, kiến nghị sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hạ tầng đo lường, đảm bảo đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

1.2. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trên thị trường cho các tổ chức dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực đo lường có trụ sở trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân.

2. Hoạt động thiết lập, duy trì, vận hành chuẩn đo lường địa phương

2.1. Nghiên cứu, xem xét nội dung đề xuất phương án thiết lập, duy trì, sử dụng chuẩn đo lường địa phương (chuẩn chính, chuẩn bậc) theo hướng “đảm bảo mỗi lĩnh vực đo lường chủ chốt (khối lượng, điện, nhiệt, dung tích, áp suất...) đều có chuẩn địa phương đủ năng lực phục vụ kiểm định - hiệu chuẩn tại chỗ.

2.2. Nghiên cứu, đề xuất phương án vận hành chuẩn đo lường địa phương (nếu có) để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về đo lường, phục vụ nhu cầu xã hội hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số

3.1. Tổ chức đánh giá thực trạng hoạt động đo lường tại các cơ quan, đơn vị nhằm xác định nhu cầu, hạn chế, tiềm năng trong việc ứng dụng công nghệ số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động đo lường tại các cơ quan, đơn vị.

3.2. Tổ chức khảo sát thực trạng chuyển đổi số trong quản lý phương tiện đo nói riêng và các trang thiết bị khác cần quản lý tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm nói chung (bao gồm cả các tổ chức có liên quan đến hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh); đánh giá thực trạng quản lý hồ sơ, dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm... Trên cơ sở đó, xây dựng báo cáo, đánh giá, phân loại mức độ sẵn sàng chuyển đổi số tại các tổ chức có liên quan, từ đó đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng phần mềm quản lý phương tiện đo và các trang thiết bị khác cần quản lý tại tổ chức có liên quan; xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ, dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm...

3.3. Định hướng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong quá trình khảo sát, đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý phương tiện đo và các trang thiết bị khác tại các tổ chức có liên quan, cần đồng thời đánh giá thực trạng quản lý hồ sơ, dữ liệu về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, thực hiện phân nhóm các tổ chức theo mục đích hoạt động và đặc điểm tương đồng. Việc phân nhóm bảo đảm việc đánh giá được thực hiện một cách chính xác, khách quan và toàn diện.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung vào xây dựng một phần mềm có tính linh hoạt, khả năng tùy biến cao, phù hợp với đặc thù hoạt động và hệ thống trang thiết bị của từng nhóm tổ chức. Phần mềm cần đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả hồ sơ, dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đồng thời có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều nhóm tổ chức khác nhau.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về đo lường

4.1. Tăng cường bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước cho công tác đo lường

a) Rà soát, lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Đánh giá thực trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và nhu cầu thực tiễn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, xác định mức độ cần thiết để đề xuất mua sắm, nâng cấp trang thiết bị, công cụ, phương tiện, thiết bị kiểm tra liên quan đến đo lường, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Tập trung phát triển hạ tầng kỹ thuật về kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực y tế; quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn...

4.2. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước

a) Tổ chức các khóa đào tạo, hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về đo lường cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước có liên quan tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đại diện doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (kể cả các khóa đào tạo, cấp giấy chứng nhận kiểm định viên) để nâng cao năng lực phục vụ hoạt

động quản lý nhà nước về đo lường trong tình hình mới, đủ năng lực để thực hiện các nội dung phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

c) Tổ chức học tập kinh nghiệm để học hỏi tư duy, cách làm của tỉnh, thành phố bạn trong việc tham mưu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

4.3. Đa dạng hóa công tác tuyên truyền thông qua các hình thức thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường sự tham gia của các cơ quan truyền thông đại chúng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội... vào hoạt động tuyên truyền.

Đẩy mạnh tập huấn, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh có liên quan. Ưu tiên doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực theo Quyết định số 3807/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường đổi mới hoạt động đo lường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác xã; doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

Lồng ghép việc tuyên truyền về đo lường trong quá trình triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2026-2030; hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026-2030...

4.4. Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về đo lường

a) Phát triển cơ sở dữ liệu về các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo trên địa bàn tỉnh, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn có địa điểm sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, khảo sát theo quy định đối với hoạt động đo lường; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về đo lường; nghiên cứu, triển khai thực hiện quy định về hoạt động kiểm tra đặc thù theo quy định của Luật Đo lường, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

d) Tổ chức hội thảo, tọa đàm với tổ chức có liên quan nhằm lắng nghe tâm tư nguyện vọng, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đo lường nói riêng và các quy định khác của pháp luật nói chung để tổng hợp, kiến nghị sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Thực hiện khảo sát, đánh giá thực trạng việc tuân thủ quy định pháp luật về đo lường trong hoạt động sử dụng phương tiện đo tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú nằm trên địa bàn có khu, cụm công nghiệp; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đo lường tại các cơ sở này.

5. Hoạt động hỗ trợ

5.1. Triển khai chương trình đảm bảo đo lường

a) Hỗ trợ các tổ chức có liên quan triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và xây dựng phương pháp đo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; hỗ trợ chi phí kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đối với các tổ chức tham gia Chương trình.

b) Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng chương trình đảm bảo đo lường tại một số ngành, lĩnh vực trọng tâm.

5.2. Nâng cao năng lực tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh

a) Hỗ trợ nâng cao năng lực thông qua triển khai xây dựng, áp dụng một số hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn quốc gia có liên quan.

b) Tổ chức các cuộc hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổ chức các hội thảo chuyên đề có liên quan để trao đổi, thảo luận, nhằm tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các tổ chức trong quá trình hoạt động.

d) Tổ chức hoạt động tư vấn trực tiếp tại các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh (có nhu cầu) nhằm đánh giá thực trạng và tư vấn định hướng lĩnh vực cần đầu tư, nâng cấp để đánh giá cấp chứng chỉ công nhận phù hợp theo TCVN ISO/IEC 17025.

đ) Hỗ trợ một số tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm xây dựng mới, hoặc xây dựng mở rộng phạm vi lĩnh vực được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025.

e) Hỗ trợ xây dựng, triển khai phần mềm quản lý hồ sơ, dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

5.3. Tổ chức mạng lưới đo lường

a) Xây dựng mạng lưới đo lường đảm bảo số lượng và chất lượng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nhu cầu đo lường chính xác của doanh nghiệp, đảm bảo công bằng trong thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

b) Triển khai các nội dung hỗ trợ các tổ chức tham gia mạng lưới đo lường của tỉnh như: Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; đào tạo chuyên gia kỹ thuật đo lường, nhân lực kiểm định viên, hiệu chuẩn viên; cung cấp thông tin cập nhật văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn có liên quan đến đo lường; triển khai Chương trình so sánh liên phòng về đo lường; hỗ trợ chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường với chi phí ưu đãi hoặc miễn phí tùy theo tình hình thực tế đối với các tổ chức tham gia Mạng lưới đo lường là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Xây dựng, ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới đo lường.

d) Triển khai vận hành mạng lưới đo lường của tỉnh.

5.4. Xây dựng, duy trì và vận hành thí điểm “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”

a) Xây dựng “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng” tại các khu công nghiệp của tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định pháp luật về đo lường; giảm chi phí, thời gian tiếp cận thông tin, dịch vụ đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; góp phần bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Ưu tiên đặt điểm tư vấn tại các khu công nghiệp có nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng hóa đóng gói sẵn, có sử dụng phương tiện đo trong sản xuất, kiểm tra, kiểm soát chất lượng.

b) Nội dung hoạt động của điểm tư vấn: Tư vấn pháp luật về đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng thuộc lĩnh vực quản lý của ngành khoa học và công nghệ; hướng dẫn thủ tục kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, thiết bị đo; giới thiệu các tổ chức được chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; hướng dẫn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát quá trình đo lường trong doanh nghiệp; tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị và chuyển đến các đơn vị chức năng xử lý.

5.5. Hỗ trợ triển khai các giải pháp tổng hợp trong lĩnh vực đo lường

Triển khai đồng bộ các giải pháp tổng hợp trong lĩnh vực đo lường (bao gồm cả các giải pháp của Chương trình đảm bảo đo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ) nhằm giúp tổ chức ổn định định lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất nhờ kiểm soát hiệu quả định lượng đầu vào - đầu ra và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các giải pháp thực hiện gồm: Khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất; tư vấn nâng cao hiệu quả hoạt động; áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (nếu cần); hỗ trợ chi phí kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo...

6. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa

6.1. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị đo lường hiện đại

a) Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, pháp lý để doanh nghiệp thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống đo lường đạt chuẩn.

b) Tổ chức giới thiệu mô hình điểm, điển hình doanh nghiệp thực hiện tốt xã hội hóa lĩnh vực đo lường.

6.2. Phát triển mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ đo lường ngoài công lập

a) Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích thành lập, công nhận các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục pháp lý, điều kiện hoạt động cho các tổ chức có nhu cầu tham gia cung cấp dịch vụ đo lường.

(Chi tiết nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh và được cấp hằng năm cho đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết dự toán tại Phụ lục II kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh có liên quan, chủ tịch các UBND cấp xã cụ thể hoá, xây dựng kế hoạch giai đoạn và hằng năm để tổ chức thực hiện. Trước ngày 01/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về cơ chế, chính sách theo quy định nhằm hỗ trợ của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trên thị trường cho các tổ chức dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực đo lường có trụ sở trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân. Nghiên cứu, đề xuất triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến ứng dụng chuyển đổi số trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này. Cán bộ tham gia đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức. Tăng cường quản lý nhà nước về đo lường theo phân công, pháp cấp, phân định thẩm quyền, ủy quyền của cơ quan cấp trên.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc và triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Tăng cường hoạt động thông tin truyền thông nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương và người dân về công tác đo lường; vận động tổ chức có liên quan tham gia thực hiện Kế hoạch này.

c) Thiết lập, duy trì, vận hành chuẩn đo lường địa phương. Trong trường hợp cần thiết thì tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án triển khai thực hiện.

d) Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch này.

đ) Triển khai các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng như: Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý nhà nước; tăng cường hoạt động thông tin truyền thông; tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm từ tỉnh bạn; tư vấn, hỗ trợ UBND cấp xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

e) Triển khai hoạt động hỗ trợ tổ chức có liên quan: Chương trình đảm bảo đo lường; nâng cao năng lực tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh; xây dựng, hình thành và phát triển mạng lưới đo lường của

tỉnh; xây dựng, duy trì và vận hành thí điểm “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”; áp dụng tổng hợp các giải pháp trong lĩnh vực đo lường.

g) Tham mưu đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa.

h) Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch ngày gắn với Lễ kỷ niệm ngày đo lường Việt Nam. Lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động đo lường để biểu dương, khen thưởng.

3. Sở Y tế

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số (nếu có) tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

b) Triển khai phát triển hạ tầng kỹ thuật về kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực y tế.

c) Phối hợp rà soát, quản lý các phương tiện đo trong y tế, đảm bảo 100% các phương tiện đo nhóm 2 trong y tế được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, bảo đảm an toàn sức khỏe con người.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số (nếu có) tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

b) Triển khai hạ tầng kỹ thuật về kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn...

5. Sở Tài chính

Chủ trì thẩm định dự toán, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch trong giai đoạn 2026-2030.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, khảo sát, lựa chọn các doanh nghiệp tham gia Chương trình đảm bảo đo lường; tổ chức hoạt động tập huấn, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn có địa điểm sản xuất tại các KCN của tỉnh; xây dựng, duy trì và vận hành thí điểm “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”.

7. Công an tỉnh

a) Tăng cường hoạt động bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ công tác công an, đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với quy định của nhà nước và Bộ Công an.

b) Tăng cường đầu tư thiết bị đo lường trong ngành công an phục vụ hoạt động chuyên môn; phối hợp kiểm soát các phương tiện đo sử dụng trong hoạt động công vụ đảm bảo đo lường chính xác, an toàn giao thông.

8. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

9. UBND cấp xã

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, khảo sát, lựa chọn các doanh nghiệp tham gia Chương trình đảm bảo đo lường; tổ chức hoạt động tập huấn, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn có địa điểm sản xuất trong Cụm Công nghiệp của tỉnh.

c) Tăng cường kiểm tra về đo lường tại các chợ, trung tâm thương mại, điểm bán buôn, bán lẻ trên địa bàn.

d) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các tổ chức có liên quan trên địa bàn quản lý.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang (cũ) và Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh (cũ). Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Bắc Ninh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX. *Dũng.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
I. Hoàn thiện hệ thống pháp lý và cơ chế, chính sách về đo lường					
1	Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo lường; tham gia góp ý, kiến nghị sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hạ tầng đo lường.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở KH&CN	Hàng năm	
2	Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh về đo lường.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở KH&CN	Hàng năm	
II. Các hoạt động khác về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng					
1	Thiết lập, duy trì, vận hành chuẩn đo lường địa phương.	Sở KH&CN		Hàng năm	
2	Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động đo lường tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, từ đó xác định và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng chuyển đổi số.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở KH&CN	Hàng năm	
3	Mua sắm trang thiết bị để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về đo lường.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính	Hàng năm	
4	Triển khai phát triển hạ tầng kỹ thuật về kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và y tế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế		Hàng năm	
5	Đánh giá thường xuyên công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để kịp thời bổ sung, điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp thực tiễn.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
6	Tổ chức các khóa đào tạo, hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước.	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm	
7	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.	Thanh tra tỉnh và các cơ quan có chức năng kiểm tra chuyên ngành	Sở KH&CN	Hàng năm	
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn có địa điểm sản xuất tại các cụm công nghiệp và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở KH&CN	Ban Quản lý các KCN tỉnh; UBND cấp xã	Hàng năm	
9	Xây dựng, duy trì và vận hành thí điểm “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”.	Sở KH&CN	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Hàng năm	
10	Xây dựng, ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới đo lường.	Sở KH&CN		2026	Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành
11	Tổ chức lễ kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam; kết hợp với hội nghị tổng kết Kế hoạch.	UBND tỉnh	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2030	Sở KH&CN tham mưu

Phụ lục II

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
I. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số																	
1	Hoạt động khảo sát, thống kê.		8	0	8		0		0		0		0		Sở KH&CN	Sở Y tế, Ban QLKC tỉnh	
2	Đề xuất nhiệm vụ KHCN.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở KH&CN	Hàng năm theo thực tế
II. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng																	
1	Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực																
1.1	Đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường (dành cho cán bộ cấp xã); 60 triệu/khóa x 9 khóa.		540	0	180	0	180	0	180	0	0	0	0	0	Sở KH&CN	UBND cấp xã	
1.2	Đào tạo nghiệp vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản		450	0	150	0	150	0	150	0	0	0	0	0	Sở KH&CN	UBND cấp xã	

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
	phẩm, hàng hóa (dành cho cán bộ cấp xã); 50 triệu/khóa x 9 khóa.																
1.3	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; 80 triệu/khóa x 8 khóa.		640	0	160	0	160	0	160	0	160	0	0	0	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
1.4	Tổ chức khóa đào tạo (cấp giấy chứng nhận) khác.		600	0	0	0	100	0	100	0	200	0	200	0	Sở KH&CN		Thanh toán theo thực tế
1.5	Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (kể cả các khóa đào tạo, cấp giấy chứng nhận kiểm định viên).		1000	0	200	0	200	0	200	0	200	0	200	0	Sở KH&CN		Thanh toán theo thực tế
1.6	Học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh.		240		0	0	60	0	60	0	60	0	60	0	Sở KH&CN		Thanh toán theo thực tế

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
2	Hoạt động tuyên truyền																
2.1	Xây dựng phòng sự và phát sóng		300	0	50	0	50	0	50	0	50	0	100	0			
2.2	Tổ chức tập huấn phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (Ít nhất 10 Hội nghị/năm).		1000	0	200	0	200	0	200	0	200	0	200	0	Sở KH&CN		Thanh toán theo thực tế
2.3.	Tổ chức lễ kỷ niệm ngày đo lường Việt Nam; kết hợp với hội nghị tổng kết Kế hoạch.		1000	-	0	-	0	-	0	-	0	-	1000	-	UBND tỉnh	Ủy ban TĐC Quốc Gia, Sở KH&CN, các tổ chức, cá nhân có liên quan	Xây dựng Kế hoạch chi tiết riêng
3	Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước																
3.1	Tăng cường công tác kiểm tra.		-		-		-		-		-		-		Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nguồn ngân sách SNKHCN

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
3.2	Khảo sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng		-		-		-		-		-		-		Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nguồn ngân sách SNKHCHN
3.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp của tỉnh; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.		-		-		-		-		-		-		Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	Thực hiện dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3.4	Đánh giá thực trạng việc tuân thủ quy định pháp luật về đo lường trong hoạt động sử dụng phương tiện đo tại		-		-		-		-		-		-		Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	Thực hiện dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
	các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn có KCN, Cụm CN của tỉnh; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.																
III. Hoạt động hỗ trợ																	
1	Chương trình đảm bảo đo lường																
1.1	Hỗ trợ tổ chức tham gia chương trình đảm bảo đo lường; 04 tổ chức/năm x 5 năm.		2000	-	400	-	400	-	400	-	400	-	400	-	Sở KH&CN	Các tổ chức có liên quan	
1.2	Xây dựng bộ tài liệu mẫu áp dụng chương trình đảm bảo đo lường trong một số ngành, lĩnh vực.		200	-	200	-	0	-	0	-	0	-	0	-	Sở KH&CN	Các tổ chức liên quan	
2	Nâng cao năng lực tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm																

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
2.1	Triển khai xây dựng, áp dụng một số hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn quốc gia có liên quan.		800	-	0	-	200	-	200	-	200	-	200	-	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	Thanh toán theo thực tế
2.2	Tư vấn, hỗ trợ tổ chức định hướng lĩnh vực cần đầu tư, nâng cấp để đánh giá cấp chứng chỉ công nhận phù hợp theo TCVN ISO/IEC 17025.		185	-	115	-	0	-	0	-	0	-	70	-	Sở KH&CN	Các tổ chức có liên quan	
2.3	Hỗ trợ xây dựng mới, hoặc xây dựng mở rộng phạm vi lĩnh vực được công nhận theo TCVN ISO/IEC		2450	-	295	-	490	-	490	-	490	-	490	-	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
	17025.																
3	Tổ chức mạng lưới đo lường																
3.1	Tổ chức khóa đào tạo (kiểm định viên, hiệu chuẩn viên, thử nghiệm viên), có cấp giấy chứng nhận.		1000		200		200		200		200		200		Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	
3.2	Tổ chức Chương trình so sánh liên phòng về đo lường.		400	-	0	-	100	-	100	-	100	-	100	-	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	
3.3.	Hỗ trợ chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường cho các tổ chức tham gia Mạng lưới đo lường là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.		8500	-	500	-	2000	-	2000	-	2000	-	2000	-	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan	
4	Xây dựng, duy trì và vận hành “Điểm tư vấn tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”																
4.1	Hoạt động tư		100	0	50	0	0	0	0	0	0	0	50	0			Gói dịch

STT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng cộng	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức	NSNN	Tổ chức			
	vấn																vụ
4.2	Thí điểm vận hành.		400	-	0	-	100	-	100	-	100	-	100	-			
5	Hỗ trợ tổ chức triển khai các giải pháp tổng hợp trong lĩnh vực đo lường																
5.1	Hỗ trợ ít nhất 15 tổ chức trong 5 năm		2475	-	495	-	495	-	495	-	495	-	495	-			Gói dịch vụ
IV. Khoản chi tư vấn thầu																	
	Tư vấn thẩm định giá; Tư vấn thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu/dự toán mua sắm; Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu/dự toán mua sắm (50 triệu/gói thầu).		400	0	100	0	100	0	100	0	50	0	50	0			
	Tổng	24688	24688	-	3303	-	5185	-	5185	-	4905	-	5915	-			